Chuyên ngành	Mã số	Đề cương các môn thi thí sinh có thể tham khảo tại đây	
		Cơ bản (180')	Cơ sở (180')
t			
t			
Toán giải tích	60 46 01 02	??i s? & Gi?i tích ??i c??ng	Giải tích
Đại số và lí thuyết số	60 46 01 04	Đại số & Giải tích đại cương	Đại số
Hình học và tôpô	60 46 01 05	Đại số & Giải tích đại cương	Hình học
LL&PP DH BM Toán	60 14 01 11	Đại số	Giải tích
Văn học Việt Nam	60 22 01 21	Triết học	Lí luận văn học
Văn học nước ngoài	60 22 02 45	Triết học	Lí luận văn học
Lí luận văn học	60 22 01 20	Triết học	Lí luận văn học
Ngôn ngữ học	60 22 01 02	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương
Lịch sử Việt Nam	60 22 03 13	Triết học	Lịch sử Việt Nam
Lịch sử thế giới	60 22 03 11	Triết học	Lịch sử Thế giới
Địa lí	60	Toán cho Địa lí	Địa lí học đại

học	31 05 01		cương
Quản lí giáo dục	60 14 01 14	Logic học	Giáo dục học đại cương
Tâm lí học	60 31 04 01	Triết học	Tâm lí học phát triển
LL&PP DH BM tiếng Pháp	60 14 01 11	Thực hành tiếng Pháp	LL&PPDH tiếng Pháp
Vật lí nguyên tử	60 44 01 06	Toán cho Vật lí	Vật lí nguyên tử, hạt nhân
LL&PP DH BM Vật lí	60 14 01 11	Toán cho Vật lí	Vật lí đại cương
LL&PP DH BM Hoá học	60 14 01 11	Cơ sở lí thuyết HH và CTC	LL&PPDH môn Hóa học
Giáo dục học (GD Mầm non)	60 14 01 01	Triết học	Tâm lí học phát triển (MN)
Giáo dục học (GD Tiểu học)	60 14 01 01	Triết học	Lí luận dạy học tiểu học